

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - NHỮNG GIÁ TRỊ BẤT HỦ, NGUỒN CẢM HỨNG BẤT TẬN CHO NHÂN DÂN VIỆT NAM BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

★ GS, TSKH PHAN XUÂN SƠN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

★ ThS LÊ THỊ THU HƯỜNG

Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình

- **Tóm tắt:** Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và công bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới ngày 02 - 9 - 1945 là một văn kiện lịch sử vô giá, thể hiện khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và là cơ sở pháp lý quan trọng khẳng định quyền con người, quyền dân tộc. 80 năm đã trôi qua, dù lịch sử đất nước và thế giới trải qua những biến động thăng trầm, những giá trị cốt lõi mà bản Tuyên ngôn xác lập vẫn vẹn nguyên giá trị, trường tồn, tiếp tục là kim chỉ nam cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bài viết làm rõ những giá trị bất hủ của Tuyên ngôn Độc lập trên các phương diện: pháp lý, chính trị, văn hóa - nhân văn, giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại, đồng thời khẳng định sức sống mãnh liệt, nguồn cảm hứng bất tận cho nhân dân Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới.
- **Từ khóa:** Tuyên ngôn Độc lập; Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tổ quốc Việt Nam; khát vọng độc lập, tự do.

1. Mở đầu

Ngày 02-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời trang trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Khoảnh khắc thiêng liêng ấy không chỉ là một sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu thắng lợi về vang của Cách mạng Tháng Tám, mà còn là thời điểm một văn kiện

lịch sử bất hủ ra đời, kết tinh khát vọng ngàn đời của dân tộc, lời tuyên bố đanh thép về chủ quyền quốc gia và mang trong mình những giá trị phổ quát của nhân loại. Dù thời gian đã trôi qua, nhưng tinh thần và giá trị của Tuyên ngôn Độc lập vẫn còn nguyên giá trị, là nguồn cổ vũ, động viên to lớn cho dân tộc Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.



Tinh thần Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 bất diệt _ Tranh: IT

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử và sự ra đời của Tuyên ngôn Độc lập

Bối cảnh thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai đến hồi kết. Trật tự thế giới mới đang dần được định hình, trong đó Hiến chương Đại Tây Dương (năm 1941) và Tuyên bố của Liên hợp quốc đã hé mở quyền tự quyết của các dân tộc. Phong trào giải phóng dân tộc trên khắp các châu lục Á, Phi, Mỹ - Latinh đang dâng cao mạnh mẽ. Đây là “thời cơ vàng” cho các dân tộc bị áp bức đứng lên giành lại độc lập.

Bối cảnh trong nước: Dân tộc Việt Nam đã trải qua gần một thế kỷ dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và sau đó là sự chiếm đóng của phát xít Nhật. Chính sách cai trị tàn bạo, vơ vét đến tận xương tủy của chúng đã đẩy nhân dân ta vào cảnh lâm than, mà đỉnh điểm là nạn đói khủng khiếp năm 1945 khiến hơn hai triệu đồng bào chết đói. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt

Nam với bọn thực dân, phát xít và tay sai đã trở nên vô cùng gay gắt.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (năm 1930), dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã kiên cường, anh dũng, hy sinh đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp, vì độc lập, tự do. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng ta đã chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công chỉ trong vòng hai tuần.

Tuy nhiên, nền độc lập non trẻ của Việt Nam ngay lập tức phải đối mặt với những thách thức hiểm nghèo. Theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, quân đội Tưởng Giới Thạch sẽ vào miền Bắc để giải giáp quân Nhật, trong khi quân Anh (theo sau là Pháp) sẽ vào miền Nam. Các thế lực đế quốc và phản động trong, ngoài nước đều âm mưu xóa bỏ thành quả cách mạng, tái lập ách cai trị.

Trong bối cảnh đó, việc soạn thảo và công bố một bản Tuyên ngôn Độc lập trở thành một yêu cầu cấp bách, mang tính tất yếu lịch sử. Nó không chỉ để tuyên bố với quốc dân đồng bào mà còn để khẳng định với toàn thế giới về vị thế của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, ngăn chặn âm mưu tái chiếm nước ta của thực dân Pháp và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

2.2. Những giá trị cơ bản và bất diệt của Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện ngắn gọn, súc tích nhưng hàm chứa những giá trị lớn lao, có sức sống vượt thời gian.

Một là, giá trị pháp lý cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đây là giá trị đầu tiên, nền tảng và trực tiếp nhất của Tuyên ngôn Độc lập. Mở đầu, Hồ Chí Minh đưa ra những lẽ phải có tính nền tảng (công lý) mà trên đó tất cả các nhà nước, đặc biệt là các nước văn minh phải thừa nhận bằng pháp lý trong hệ thống pháp luật của họ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽¹⁾. Hồ Chí Minh khẳng định, lẽ phải đó đã được nhân loại biết đến, thừa nhận rất sớm, mà đại diện là trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ, trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791.

Khi đã thừa quyền con người là phổ quát và thiêng liêng, thì hoàn toàn có thể suy ra quyền của các dân tộc, bởi lẽ dân tộc là một hình thức cộng đồng, tập thể của con người. Hồ Chí Minh viết: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽²⁾.

Quyền con người và quyền dân tộc là hai nền tảng pháp lý, rộng hơn là công lý và chân lý mà nhân dân Việt Nam đã đấu tranh gần một thế kỷ chống lại các thế lực thực dân, đế quốc, phát xít đã xâm phạm trắng trợn các quyền ấy. Vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là hợp pháp, hợp lẽ phải, nền độc lập của nhân dân Việt Nam giành được cũng hợp pháp, hợp lẽ phải.

Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố với thế giới về lẽ phải không ai có thể chối cãi và xâm phạm được, khẳng định quyền tự quyết và chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Tuyên ngôn đánh thép khẳng định: “Chúng tôi - Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”⁽³⁾. Lời tuyên bố này đã đánh dấu cho sự chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại hơn một nghìn năm và gần một thế kỷ đô hộ của thực dân Pháp.

Tuyên ngôn là văn bản pháp lý đầu tiên, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ cộng hòa đầu tiên ở châu Á. Nó xác lập cơ sở pháp lý cho sự tồn tại và hoạt động của chính quyền mới, một chính quyền của dân, do dân và vì dân, xác lập một vị thế mới trên trường quốc tế, một nhà nước đứng về phía dân chủ, độc lập có chủ quyền. Các văn bản pháp luật sau này, đặc biệt là các bản Hiến pháp, đều kế thừa và phát triển trên nền tảng tư tưởng và pháp lý do Tuyên ngôn đặt ra.

Bằng việc trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ (năm 1776) và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp (năm 1791), Hồ Chí Minh đã luận chứng cơ sở pháp lý và chính nghĩa vững chắc cho mối quan hệ của

nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với các nước khác trên thế giới, trong đó có nước Pháp. Người đã đặt thành tựu Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam ngang với những cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại, đồng thời sử dụng chính những nguyên tắc mà những cuộc cách mạng ấy làm cơ sở cho mối quan hệ giữa các dân tộc trong thời hiện đại. Cảnh báo đối với những thế lực muốn phủ nhận nền độc lập của Việt Nam hoặc muốn xâm lược Việt Nam một lần nữa!

Hai là, giá trị chính trị - Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 là kết quả của 15 năm đấu tranh của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuyên ngôn nêu rõ lực lượng, mục tiêu, phương thức và đối tượng của cuộc cách mạng, nói rõ hình thức chính thể của Nhà nước Việt Nam độc lập.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, dân chủ nhân dân thắng lợi đầu tiên do Đảng Cộng sản lãnh đạo ở một nước châu Á. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám tạo tiền đề để đưa đất nước qua độ đi lên CNXH.

Chính quyền cách mạng với hình thức chính thể dân chủ cộng hòa đã tuyên bố giải phóng đất nước khỏi chế độ thực dân, nửa phong kiến, thiết lập một chính quyền cách mạng mới do nhân dân làm chủ.

Mặc dù Tuyên ngôn không trực tiếp nói đến vai trò của Đảng Cộng sản, nhưng thông qua Việt Minh, Tuyên ngôn Độc lập cũng đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt 15 năm đấu tranh cách mạng từ ngày có Đảng.

Tuyên ngôn Độc lập đã công bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước cộng hòa, dân chủ, đúng theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (tháng

5-1941). Đây cũng là nhà nước cộng hòa dân chủ đầu tiên ở châu Á, có quan hệ bình đẳng với các quốc gia khác.

Bản Tuyên ngôn là ngọn cờ hiệu triệu, tập hợp sức mạnh đoàn kết vô địch của toàn thể dân tộc Việt Nam, gồm dân cày, dân buôn, tư sản ta và công nhân ta, vốn bị bóc lột tàn bạo dưới ách thống trị của thực dân Pháp, giờ đây sẵn sàng hy sinh tính mệnh và của cải để bảo vệ nền độc lập. Tuyên ngôn cũng truyền cảm hứng mạnh mẽ cho các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc và các dân tộc khác trong khu vực và thế giới, góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Bên cạnh việc khẳng định những thành quả của cách mạng, Tuyên ngôn Độc lập đã tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc, thực dân và phát xít. Qua đó, khẳng định việc các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh giải phóng là một tất yếu lịch sử. Tuyên ngôn chỉ ra những bằng chứng không thể chối cãi để vạch trần bản chất phi nhân đạo của chủ nghĩa thực dân Pháp “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”⁽⁴⁾:

“Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào (...) Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu (...) Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy (...) Chúng cướp không ruộng đất, rừng, mỏ, nguyên liệu (...) Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn”⁽⁵⁾. Về văn hóa, chúng “thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho

nòi giống ta suy nhược”⁽⁶⁾. Chính quyền thực dân Pháp là một chính quyền hèn nhát và bạc nhược, trong 5 năm đã “bán nước ta hai lần cho Nhật”⁽⁷⁾. Qua đó, Tuyên ngôn đã bảo vệ phẩm giá và danh dự của dân tộc Việt Nam, khẳng định tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.

Mặc dù Pháp bại, Nhật hàng, Vua Bảo Đại thoái vị, nhưng các thế lực đế quốc, thực dân vẫn chưa từ bỏ dã tâm cướp nước ta một lần nữa. Hồ Chí Minh đã thấy rõ âm mưu đó. Tuyên ngôn Độc lập là lời hiệu triệu, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin và ý chí quyết tâm của toàn dân trong công cuộc bảo vệ thành quả cách mạng. Câu kết của Tuyên ngôn: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽⁸⁾ đã trở thành lời thề sông núi, là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn giúp dân tộc ta vượt qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ và vô vàn thử thách sau này.

Ba là, giá trị văn hóa, nhân văn, thừa nhận, khẳng định và bảo vệ quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người, giúp đỡ người gặp hoạn nạn, phân biệt rõ bạn thù, phân biệt rõ văn minh và bạo tàn.

Đây là giá trị cốt lõi, thể hiện tầm vóc tư tưởng vĩ đại của Hồ Chí Minh và mang ý nghĩa phổ quát sâu sắc.

Mở đầu bản Tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn câu nói bất hủ trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do, bình đẳng về quyền lợi”⁽⁹⁾.

Với trích dẫn tuyên bố này, Hồ Chí Minh thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng tuyên bố với thế giới rằng, nước Việt Nam độc lập trân trọng và đề cao những giá trị chung, phổ quát của nhân loại, rằng, quyền con người không phải là đặc quyền của riêng dân tộc nào, mà là của chung tất cả các dân tộc. Nước Việt Nam mới sẽ chung tay cùng các quốc gia trên thế giới tôn trọng và bảo vệ các quyền con người. Đó là những quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm và chính đáng của mọi người sinh ra trên trái đất, không phân biệt màu da, chủng tộc, dòng giống, giới tính. Đây là những quyền mang tính phổ quát của nhân loại.

Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thể hiện sự phát triển sáng tạo từ quyền con người đến quyền dân tộc. Trên cơ sở viện dẫn các bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền của Cách mạng Pháp, Người đã nâng lên, suy rộng ra thành quyền của mỗi dân tộc. Đây chính là đóng góp vĩ đại của Hồ Chí Minh. Từ quyền của mỗi cá nhân, thành quyền của cả dân tộc. Đây là sự phát triển sáng tạo trong tư duy của Hồ Chí Minh, thể hiện tầm nhìn mang tính thời đại, thời đại đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức. Từ quyền của cá nhân đến quyền của dân tộc (do từng cá nhân hợp thành), theo đó, quyền của mỗi cá nhân con người không tách rời, mà hòa quyện với quyền của quốc gia dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽¹⁰⁾.

Lần đầu tiên trong lịch sử, quyền dân tộc được đặt ra và có giá trị ngang hàng với quyền con người. Logic này đã đưa Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam trở thành tuyên ngôn giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Nó chỉ ra rằng, ở tất cả các nước, trước hết là các nước

thuộc địa, không thể có quyền con người thực sự nếu quốc gia vẫn bị mất chủ quyền, dân tộc vẫn còn bị áp bức, nhân dân vẫn trong tình cảnh nô lệ. Độc lập dân tộc chính là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người. Từ đây, Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam đưa ra cách tiếp cận mới, về bảo đảm quyền con người. Quyền con người và quyền dân tộc phải gắn bó chặt chẽ với nhau, làm tiền đề, điều kiện cho nhau. Không thể bảo đảm quyền con người nếu dân tộc không có quyền độc lập và ngược lại “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽¹¹⁾, như khẳng định của Hồ Chí Minh.

Các quyền con người, quyền dân tộc đều là tạo hóa ban cho. Vì thế, không ai có thể xâm phạm. Bất kỳ một quốc gia nào, bất kỳ ai áp đặt ách thống trị lên đất nước Việt Nam là đi ngược lại lẽ tự nhiên, chà đạp lên những quyền tự do, bình đẳng, bác ái mà nhân loại đã thừa nhận và cha ông họ đã hùng hồn tuyên bố và theo đuổi. Hành động xâm lược đó là phi nghĩa.

Trái ngược với những hành động của thực dân Pháp đi ngược lại đạo lý, Tuyên ngôn Độc lập cũng cho thế giới biết rõ dân tộc Việt Nam là một dân tộc hòa hiếu, nhân đạo, nhân văn. Nói rõ thái độ đối với thực dân Pháp và nhân dân pháp, phân biệt rõ bạn thù, phân biệt rõ nền văn minh Pháp và sự tàn bạo của bọn thực dân Pháp. Tuyên ngôn nêu rõ: “Đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày mùng 9 tháng 3, Việt minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thù, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ”⁽¹²⁾.

Bốn là, giá trị lịch sử - cột mốc của một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam

Tuyên ngôn Độc lập là một cột mốc chói lọi, phân định rõ ràng hai thời kỳ lịch sử của dân tộc. Chấm dứt quá khứ nô lệ, chính thức khép lại một chương lịch sử đau thương, tủi nhục kéo dài gần một thế kỷ dưới ách thực dân. Nó là thành quả của một quá trình đấu tranh bền bỉ, hy sinh xương máu của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đánh dấu cột mốc trọng đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; chấm dứt ách thống trị của thế lực xâm lược từ phương Tây (thực dân Pháp) trong 87 năm (1858-1945); sự chiếm đóng của phát xít Nhật trong 5 năm (1940-1945). Không những thế, Tuyên ngôn Độc lập cũng đánh dấu sự kết thúc của chế độ phong kiến quân chủ tồn tại hàng nghìn năm ở Việt Nam.

Trong lịch sử, nhiều lần, cha ông chúng ta đã ra “Tuyên ngôn” đánh dấu những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc, như bài thơ thần “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt, năm 1077; “Hịch Tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo, năm 1284; “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, năm 1428; “Hịch đánh Thanh” của Quang Trung - Nguyễn Huệ, năm 1788... Trong đó, “Bài thơ Thần” của Lý Thường Kiệt và “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi được coi là hai bản Tuyên ngôn độc lập. Đó là những thiên cổ hùng văn, những văn kiện có ý nghĩa lịch sử khẳng định quyền tự chủ của dân tộc. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 tuyên bố cho nhân dân trong nước và các quốc gia trên thế giới biết, nước Việt Nam là một nước nghìn năm văn hiến, đã làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công và trở thành một nước độc lập sau hơn 80 năm mất nước vào tay thực dân Pháp và sẵn sàng hy sinh tính mạng và của cải để bảo vệ nền độc lập ấy.

Tuyên ngôn Độc lập mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do: Từ ngày 02-9-1945, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành người chủ

của đất nước, người làm chủ vận mệnh của mình. Đây là một bước ngoặt vĩ đại, thay đổi căn bản địa vị của quốc gia và thân phận của mỗi người dân. Tuyên ngôn Độc lập đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, giai đoạn xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, quá độ tiến lên CNXH.

Giá trị lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập còn thể hiện ở chỗ: đây là văn bản báo hiệu một thời đại mới, thời đại giải phóng các dân tộc khỏi sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới, giành lại quyền được sống trong độc lập, tự do. Tuyên ngôn Độc lập là sự kết tinh cả về lý luận và thực tiễn hoạt động cách mạng của cuộc hành trình hơn 30 năm tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các cao trào cách mạng, cho đến thời kỳ đấu tranh trực tiếp giành chính quyền (1939-1945).

Năm là, ý nghĩa thời đại - khẳng định Việt Nam đứng về phía dân chủ, tiến bộ văn minh; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Tầm vóc của Tuyên ngôn Độc lập đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, có ảnh hưởng sâu rộng đến thời đại. Việt Nam là một trong những nước thuộc địa đầu tiên giành được độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam, với lập luận sắc bén và tính chính nghĩa cao cả, đã trở thành nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho các dân tộc bị áp bức ở châu Á, châu Phi và Mỹ - Latinh. Là tấm gương và là ngọn cờ đầu trong phong trào phi thực dân hóa, đấu tranh vì các nguyên tắc dân tộc bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết, được các nước Đồng minh công nhận tại các Hội nghị Têhêrăng và San - Prăngxítô. Tuyên ngôn khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một

dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”⁽¹³⁾.

Việc phát triển tư tưởng từ quyền con người sang quyền dân tộc, đã cung cấp một vũ khí lý luận sắc bén cho các phong trào giải phóng dân tộc. Nó chỉ ra con đường đấu tranh của các dân tộc bị áp bức: muốn có quyền con người, trước hết phải có quyền dân tộc; muốn giải phóng con người, phải giải phóng dân tộc. Tư tưởng này đã được nhiều nhà lãnh đạo các phong trào độc lập trên thế giới tiếp thu và vận dụng. Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam đã góp phần quan trọng vào sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn cầu.

2.3. Sức sống của Tuyên ngôn Độc lập trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay

Những giá trị của Tuyên ngôn Độc lập không chỉ giới hạn ở thời điểm lịch sử năm 1945 mà còn có ý nghĩa soi đường, chỉ lối cho hiện tại và tương lai của dân tộc Việt Nam.

Kim chỉ nam cho đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ

Tư tưởng cốt lõi về độc lập, tự do, bình đẳng giữa các dân tộc trong Tuyên ngôn vẫn là nền tảng của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Việt Nam kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam sẽ cùng các nước phấn đấu cho một thế giới tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, trong đó chứa đựng những cam kết về tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bảo đảm quyền con người, quyền dân tộc, quyền phát triển trong hòa bình và bền vững. Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó

lường, việc bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, chính là hành động kế thừa và phát huy tinh thần bất khuất của Tuyên ngôn Độc lập.

Nền tảng tư tưởng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Khát vọng về một nhà nước mà ở đó “tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng”, có “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” là mục tiêu mà Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân luôn hướng tới. Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa sâu sắc các quyền con người, quyền công dân, phản ánh sự kế thừa và phát triển tư tưởng pháp quyền, nhân đạo, nhân văn của Tuyên ngôn trong điều kiện mới.

Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, chúng ta chỉ có thể vươn mình sánh vai với các cường quốc năm châu khi cam kết và thực hiện mọi quyền con người, quyền công dân, quyền dân tộc trong một Nhà nước pháp quyền XHCN, nơi mà công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, để sáng tạo, phát triển, để mưu cầu hạnh phúc cho chính mình và độc lập, tự do cho đất nước.

Truyền cảm hứng, nguồn sức mạnh tinh thần để xây dựng đất nước hùng cường

Tuyên ngôn Độc lập là một biểu tượng của độc lập, tự do, niềm tự hào dân tộc; là kết tinh những giá trị văn hóa của con người và của dân tộc Việt Nam suốt hàng nghìn năm lịch sử và đấu tranh: chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa cộng đồng, chủ nghĩa nhân văn, tinh thần thân dân, tinh thần hòa hiếu, tinh thần thượng võ... Trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, tinh thần “đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” cần được chuyển hóa thành khát vọng phát triển, ý chí vươn lên, đổi mới sáng tạo, đưa Việt Nam “sánh vai với

các cường quốc năm châu” như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

3. Kết luận

Tuyên ngôn Độc lập ngày 02-9-1945 là một văn kiện có giá trị pháp lý, chính trị, văn hóa - nhân văn, lịch sử và ý nghĩa thời đại to lớn. Tuyên ngôn Độc lập không chỉ là bản tuyên ngôn khai sinh ra một nhà nước mới mà còn là một bản tuyên ngôn về quyền con người và quyền của các dân tộc, trước hết là quyền của các dân tộc bị áp bức, về đề cao và bảo vệ những giá trị phổ quát của nhân loại. Với những giá trị toàn diện, to lớn và sâu sắc, Tuyên ngôn Độc lập sẽ mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho dân tộc Việt Nam trên con đường xây dựng một đất nước hòa bình, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Năm 2025, tròn 80 năm đã trôi qua, những lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 02-9-1945 vẫn vang vọng non sông, nhắc nhở mỗi người Việt Nam về trách nhiệm thiêng liêng của mình: phải không ngừng học tập, lao động, cống hiến để bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của Tổ quốc và hiện thực hóa những khát vọng cao đẹp về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc cho mỗi con người. Sức sống của Tuyên ngôn Độc lập là bất diệt, bởi nó bắt nguồn từ những giá trị phổ biến, chân lý phổ quát và khát vọng cháy bỏng ngàn đời của dân tộc Việt Nam □

Ngày nhận bài: 13-8-2025; Ngày bình duyệt: 20-8-2025; Ngày duyệt đăng: 28-8-2025.

Email tác giả: giaosuphanxuanson@gmail.com

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1, 1, 3, 1, 1-2, 2, 2, 3, 1, 1, 64, 2, 3.